

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn  
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 189/TTr-SXD ngày 28/7/2023, Sở Tài chính tại Tờ trình số 423/TTr-STC ngày 11/9/2023; thực hiện kết luận của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 29/9/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2023-2025 như sau:

**1. Phạm vi áp dụng**

- Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải áp dụng trên địa bàn 16 phường thuộc thành phố Quy Nhơn bao gồm các phường: Đống Đa, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, Ngô Mỹ, Nguyễn Văn Cừ, Nhơn Bình, Nhơn Phú, Quang Trung, Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân.

- Không bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong Khu kinh tế Nhơn Hội, Khu công nghiệp Phú Tài, Khu công nghiệp Long Mỹ và các doanh nghiệp hoạt động trong các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2. Đối tượng thu**

- Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn 16 phường thuộc thành phố Quy Nhơn hoặc không sử

dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung nhưng có nước thải xả vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

- Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã thanh toán tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thì không phải trả phí bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

### 3. Mức thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

a) Mức thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước):

| STT | Nội dung                      | Đơn giá dịch vụ thoát nước<br>(chưa bao gồm thuế GTGT)<br>(đồng/m <sup>3</sup> ) |          |          |
|-----|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
|     |                               | Năm 2023                                                                         | Năm 2024 | Năm 2025 |
| 1   | Hộ dân cư                     | 2.384                                                                            | 2.620    | 2.780    |
| 2   | Cơ quan hành chính sự nghiệp  | 5.383                                                                            | 5.916    | 6.277    |
| 3   | Hoạt động sản xuất vật chất   | 7.921                                                                            | 8.705    | 9.237    |
| 4   | Hoạt động kinh doanh, dịch vụ | 9.498                                                                            | 10.438   | 11.075   |

*Mức thuế giá trị gia tăng (VAT) thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.*

b) Đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã thực hiện xử lý nước thải đạt chuẩn xả thải ra môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có đầu nối vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Quy Nhơn thì chỉ tính chi phí vận hành hệ thống thoát nước với mức thu giá dịch vụ bằng 71% của đơn giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (tại điểm a khoản này), cụ thể:

| STT | Nội dung                      | Đơn giá dịch vụ thoát nước<br>(chưa bao gồm thuế GTGT)<br>(đồng/m <sup>3</sup> ) |          |          |
|-----|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
|     |                               | Năm 2023                                                                         | Năm 2024 | Năm 2025 |
| 1   | Hộ dân cư                     | 1.693                                                                            | 1.860    | 1.974    |
| 2   | Cơ quan hành chính sự nghiệp  | 3.822                                                                            | 4.201    | 4.457    |
| 3   | Hoạt động sản xuất vật chất   | 5.624                                                                            | 6.181    | 6.558    |
| 4   | Hoạt động kinh doanh, dịch vụ | 6.743                                                                            | 7.411    | 7.863    |

*Mức thuế giá trị gia tăng (VAT) thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.*

c) Trường hợp các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã thực hiện xử lý nước thải đạt chuẩn xả thải ra môi trường và xả nước thải ra nguồn tiếp nhận (*không đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực*) thì thực hiện việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh ban

hành quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.

#### **4. Quy định khối lượng nước thải để thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải**

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

- Các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

- Các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được xác định bằng  $4\text{m}^3/\text{người/tháng}$ .

b) Đối với các loại nước thải khác:

- Các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

- Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.

#### **5. Đơn vị thu tiền giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải**

- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tổ chức thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thông qua hóa đơn tiền nước đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng nước từ hệ thống nước sạch tập trung.

- Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước thành phố Quy Nhơn trực tiếp thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thông qua hóa đơn giá trị gia tăng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng, Sở Tài chính phối hợp hướng dẫn thu và quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn theo phương án giá đã được phê duyệt theo quy định.

2. UBND thành phố Quy Nhơn chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng mở rộng mạng lưới thu gom nước thải, từng bước phủ kín dịch vụ thoát nước trên địa bàn các phường thuộc thành phố Quy Nhơn.

3. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước thành phố Quy Nhơn tổ chức thu tiền giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn theo phương án giá đã được phê duyệt và được hưởng chi phí dịch vụ thu theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và thay thế Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 và Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K17, K14.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**